TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2023/DS –PT
Ngày : 24- 7 - 2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:111/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. có mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972; cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn Hồ; có mặt

2. Bà Hồ Thị Q; có mặt

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Hồ và bà Hồ Thị Q: Ông Nguyễn Văn H (văn bản ủy quyền ngày 20/7/2023) có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q: Luật sư Đặng Văn C đang hoạt động tại Văn phòng luật sư Đặng Văn C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đà Nẵng.

3. Bà Nguyễn Thị Li, sinh năm 1968; có mặt

4. Bà Huỳnh Thị Lo, sinh năm 1968; có mặt

5. Bà Nguyễn Thị La; vắng mặt

6. Ông Lê Văn T. vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

7. Ông Trần Minh Hư; vắng mặt

8. Bà Phạm Thị Cô; vắng mặt

9. Ông Trần Ngọc Ph. vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

10. Bà Trần Thị Phương Dung; vắng mặt

11. Ông Trần Ngọc Sơn; vắng mặt

12. Bà Trần Thị Tuyết Mai vắng mặt

Chưa rõ địa chỉ cụ thể.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q; cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo của ông Nguyễn Hữu Ng trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số hiệu số 293, tờ bản đồ số 11 diện tích 300m^2, tọa lạc thôn C, xã C, huyện P nguyên là một phần của khu đất vườn dừa do hợp tác xã Nông nghiệp C quản lý. Năm 1992, khu đất vườn dừa này được Nhà nước quy hoạch thành khu dân cư, phân lô để cấp cho hộ gia đình chính sách, bộ đội phục viên, cán bộ nhân viên của Nhà nước xây dựng nhà ở. Bản thân ông là bộ đội phục viên, xuất ngũ về lại địa phương vào năm 1984, có nhu cầu về nhà ở nên ông đã làm đơn xin cấp đất gửi lên HTX nông nghiệp 1 C, trình lên cấp có thẩm quyền để được giao đất. Ngày 11/5/1993 HTXNN 1 C thông báo cho ông nộp tiền "lệ phí đền bù đất thổ cư" với số tiền là 1.900.000 đồng, ông đã nộp số tiền này tại HTXNN 1 C. Ngày 09/7/1993, UBND

huyện P, tỉnh Bình Định ban hành quyết định giao đất số 328/QĐ-UB, giao cho ông lô đất số 14, diện tích là 200m^2; tứ cận: Đông giáp nhà ở ông Trần Minh Hư, Tây giáp thửa đất giao cho bà Hồ Thị H, Nam giáp đất vườn dừa, Bắc giáp tỉnh lộ 645, mục đích sử dụng đất, ngày 26/5/1995 UBND huyện Phù Cát cấp GCNQSDĐ là đất thổ cư (đất ở). Trên cơ sở đăng ký kê khai QSDĐ cho hộ gia đình ông thửa đất này, số vào sổ cấp GCN:01152… QSDĐ/E13. Mặc dù nhà ở mà để cho cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Hồ, Hồ Thị Q sử dụng làm nhà máy xay xát gạo. Do nhà máy xay xát gạo hoạt động không hiệu quả, vợ chồng cụ Hồ tháo dỡ nhà máy gạo, xây dựng lại một ngôi nhà tạm để mở cửa hàng mua bán tạp hóa, giao cho các em gái của ông là Nguyễn Thị T Nguyễn Thị S mua bán. Sau này chị T, chị S lập gia đình riêng nên cha mẹ ông trực tiếp đứng ra mua bán tạp hóa tại ngôi nhà tạm này. Vì thấy vợ chồng bà Nguyễn Thị La (em gái ông) chưa có nhà ở riêng nên ngay sau khi được cấp GCNQSDĐ , vợ chồng ông cắt 150m^2 ở vị trí phí Tây chuyển nhượng cho vợ chồng bà La, ông T với giá 10.000.000 đồng bằng giấy viết tay. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng bà La muốn tách thửa để làm GCNQSDĐ riêng nên vợ chồng ông và vợ chồng bà La, ông Lê Văn T xác lập hợp đồng tặng cho QSDĐ để tránh nộp thuế chuyển QSDĐ. Như vậy, thửa đất số hiệu 293, tờ bản đồ số 11 chỉ còn lại diện tích 150m^2.

Vì điều kiện mưu sinh, từ năm 2001 đến năm 2012 vợ chồng ông vào huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên để làm ăn. Lợi dụng thời gian vợ chồng ông không có mặt ở địa phương, vợ chồng ông Nguyễn Văn H (em ruột ông) đến thửa đất này xây dựng nhà ở phía sau nhà quán nhưng không thông qua ý kiến của vợ chồng ông. Khi vợ chồng ông từ Phú Yên về thì vợ chồng ông H đã xây dựng nhà xong và đang hành nghề giết mổ gia xúc. Vì là anh em ruột với nhau nên vợ chồng ông không khiếu nại, báo cáo với chính quyền địa phương để ngăn chặn việc vợ chồng ông H xây dựng nhà trên đất của vợ chồng ông H, bà Lo đã xây dựng hoàn thiện ngôi nhà như hiện nay

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị L phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để trả lại thửa đất nêu trên với diện tích thực tế đang sử dụng là 115,8m^2 cho vợ chồng ông. Bởi vì ngoài thửa đất nêu trên thì hiện nay vợ chồng ông không còn chỗ ở nào khác. Đối với phần diện tích đất ở phía sau có diện tích 59,2m^2 vợ chồng ông Hường nhận chuyển nhượng đất màu của hộ gia đình ông Trần Minh Hư và vợ chồng ông Trần Minh Hư tự giải quyết với nhau.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất ông Ng đang tranh chấp là của cha mẹ ông là là ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q đã bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng của bà Ng (tên thường gọi là bà Ng Kỳ, không biết chính xác đầy đủ họ, tên) vào khoảng năm 1985 với giá chuyển nhượng là 01 chỉ vàng y (hiện nay bà Ng đã bỏ đi khỏi địa phương) Khi chuyển nhượng thửa đất này, giữa cha mẹ ông và bà Ng chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói, không xác lập hợp đồng bằng văn bản. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà Ng, cha mẹ ông và vợ chồng bà Nguyễn Thị La (chị ruột ông) cùng bỏ tiền ra hùn hạp để xây dựng nhà máy xay xát gạo, sử dụng vào mục đích kinh doanh. Năm 1992 cha mẹ ông phân chia thửa đất này cho vợ chồng ông xây dựng nhà ở. Vợ chồng ông tiến hành xây dựng một ngôi nhà tạm bợ ở vị trí phía sau của thửa đất này. Vì cha mẹ ông đã phân chia đất đai cho các con để có đất làm nhà ở riêng nên việc vợ chồng ông xây dựng ngôi nhà này có sự đồng ý của cha mẹ ông và anh chị em ruột trong gia đình. Diện tích xây dựng ngôi nhà tạm ông không nhớ chính xác, nhưng nhà máy xay xát gạo vẫn tồn tại, hoạt động ở vị trí phía trước tiếp giáp với tỉnh lộ 635 (nay là Quốc lộ 19B). Năm 1994 do nhà máy gạo hoạt động không có hiệu quả nên vợ chồng cụ Hồng, cụ Quý và bà Lang thống nhất tháo dỡ nhà máy xay xát gạo để chia thửa đất này thành 02 phần với diện diện tích đều nhau, phần ở phía Tây có diện tích 4m x30m cha mẹ ông chia cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Lalàm nhà ở. Phần đất ở phía Đông có diện tích 4m x 30m cha mẹ ông chia cho vợ chồng ông. Cũng trong năm 1994 vợ chồng ông và vợ chồng bà La xây dựng nhà ở kiên cố trên 02 phần đất đã được cha mẹ phân chia. Tuy nhiên, việc cha mẹ ông phân chia 02 phần đất nêu trên cũng chỉ thể hiện bằng lời nói, không có giấy tờ gì. Do diện tích đất được bố mẹ phân chia chật hẹp nên ngày 10/10/2000 vợ chồng ông H cắt phần đất vườn thừa ở phía sau có diện tích 4m x 15m = 60m^2 chuyển nhượng cho vợ chồng với giá 1.500.000 đồng. Khi thỏa thuận chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên, các bên chỉ giao tiền và nhận đất bằng giấy viết tay. Từ đó cho đến nay, vợ chồng ông quản lý, sử dụng thửa đất này làm nhà ở. Do vậy, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng yêu cầu vợ chồng ông tháo dỡ nhà ở, vật kiến trúc khác trên thửa đất này để trả lại cho vợ chồng ông Ng.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Li trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu Ng bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và trình bày của ông Nguyễn Hữu Ng bà không có gì bổ sung thêm.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lo trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H bà thống nhất vời trình bày của ông Nguyễn Văn H, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Vì điều kiện mua bán làm ăn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt bà.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất hiện nay ông Ng đang tranh chấp với ông H là đất vườn dừa do vợ chồng ông thuê lại của bà Ng (không rõ họ tên, nơi cư trú) để xây dựng nhà máy xay xát gạo vào năm 1985. Năm 1992 Nhà nước quy hoạch vùng đất vườn dừa (nơi có nhà máy xay xát gạo của vợ chồng ông) thành khu dân cư,vì vợ chồng ông đã có đất thổ cư xây dựng nhà ở nên nhờ con trai cả là ông Nguyễn Hữu Ng đứng tên đăng ký để được Nhà nước cấp 01 lô trong khu quy hoạch nêu trên. Chính vì vậy, khi nộp tiền "lệ phí sử dụng đất" thì vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị La (con gái của ông bà) mỗi người đã bỏ ra 950.000 đồng để nộp và nhờ ông Nghị đứng tên biên lai thu tiền. Sỡ dĩ ông Ng đứng tên trong GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên là do vợ chồng ông nhờ ông Ng đứng tên, nhưng thửa đất thì vợ chồng ông đã cho vợ chồng ông H xây dựng nhà ở. Nay vợ chồng ông không tranh chấp gì thửa đất này và từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị La trình bày:

Nguồn gốc thửa đấy hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng làm nhà ở và thửa hiện nay do vợ chồng bà đang quản lý làm nhà ở trước năm 2008 là cùng 01 thửa đất số hiệu số 293, tờ bản đồ số 11, tổng tiện tích là 300m^2, tọa lạc tại thôn C, xã C, huyện P. Trước khi UBND huyện Phù Cát ra quyết định cấp đất cho ông Ng thì thửa đất này là 01 phần của khu đất vườn dừa ba lợi ích do Nhà nước quản lý, trồng dừa, giao khoán cho bà Nga (thường gọi là bà Ng Kỳ, đã bỏ đi khỏi địa phương) quản lý. Lợi dụng việc Nhà nước giao khoán quản lý, năm 1989 bà Ng cho vợ chồng bà và cha mẹ bà (cụ Hồ, cụ Q) góp vốn thuê đất xây dựng nhà máy xay xát gạo để kinh doanh. Đến năm 1992, Nhà nước quy hoạch vùng đất này thành khu dân cư nên yêu cầu ông Hồ, bà Q và vợ chồng bà tháo dỡ nhà máy gạo, đòi lại đất để phân lô cấp cho những đối tượng chính sách như ông Ng trình bày là đúng. Sau khi ông Ng làm đơn và được UBND huyện Phù Cát cấp 01 lô đất ngay vị trí mà vợ chồng bà và

cha mẹ bà đã đặt nhà máy gạo vào năm 1989 nên nhà máy xay xát gạo của gia đình bà vẫn tồn tại hoạt động mà không bị buộc tháo dỡ. Ông Ng được Nhà nước giao đất theo diện có thu tiền sử dụng đất nhưng bà không biết chính xác ông Ng đã nộp bao nhiêu tiền. Do nhà máy gạo kinh doanh không hiệu quả, cha mẹ bà và vợ chồng bà thống nhất tháo dỡ nhà máy gạo, xây dựng một ngôi nhà tạm (thường gọi là nhà quán) để giao cho 02 người em gái của bà mua bán tạp hóa. Vợ chồng bà tận dụng một phần của nhà quán này để mua bán phân bón và thực phẩm gia súc. Sau khi hộ gia đình ông Ng được UBND huyện Phù Cát cấp GCNQSDĐ, trong năm 1995 vợ chồng ông Ng cắt ½ diện tích của thửa đất ở vị trí phía Tây chuyển nhượng cho vợ chồng bà với giá 10.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, hai bên chỉ viết giấy tay, tiến hành giao đất, nhận tiền xong thì vợ chồng ông Ng vào Phú Yên làm ăn. Phần diện tích còn lại ở phía Đông có ngôi nhà quán thì bà Nguyễn Thị S (em gái bà) tiếp tục bán tạp hóa. Khoảng năm 1996 hoặc 1997, thời điểm này vợ chồng ông Nghị đang làm ăn trong Phú Yên, cha bà (cụ Hồ) bảo ông Nguyễn Văn H (em ruột bà) xây dựng một ngôi nhà tạm ở vị trí phía sau nhà quán để mở lò giết mổ gia súc. Vì anh em ruột với nhau nên khi vợ chồng ông Ng về thấy vậy cũng không nói gì, tạo điều kiện cho vợ chồng ông H làm ăn. Năm 2017, cha mẹ bà tiếp tục tạo điều kiện cho vợ chồng ông H tháo dỡ nhà quán, xây dựng toàn bộ phần đất trống ở phía trước thành nhà ở của vợ chồng ông H. Mặc dù bà và chị em trong gia đình khuyên ông H không nên xây dựng nhà khi chưa có sự đồng ý của vợ chồng ông Ng nhưng ông H vẫn tiến hành xây dựng nhà dẫn đến phát sinh vụ kiện tại tòa án. Ngoài việc nhận chuyển nhượng ½ diện tích thửa đất của vợ chồng ông Ngnhư bà đã trình bày trên thì vợ chồng bà không có tranh chấp và cũng không có liên quan gì trong vụ án này. Do vậy, vợ chồng bà xin từ chối tham gia tố tụng trong các giai đoạn tiếp theo.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh Hưởng, bà Phạm Thị C và anh Trần Ngọc Ph trình bày:

Ngày 10/10/2000, giữa ông Trần Minh Hư với ông Nguyễn Văn H thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo đó ông Hư chuyển nhượng cho ông H 60m^2 thuộc thửa đất màu số 383b, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.280m^2 đã được UBND huyện Phù Cát cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Hư vào năm 1995, giá chuyển nhượng là 1.500.000 đồng. Khi chuyển nhượng chỉ có ông Hư là người ký vào "Giấy sang nhượng đất" ghi ngày 10/10/2000. Hai bên đã tiến hành giao đất, nhận tiền xong và vợ chồng ông H đã tiến hành xây dựng nhà ở, công trình phụ phía sau nhà chính hiện nay, ông H bà Lo đang quản lý sử dụng. Nay ông Ng và ông H phát sinh tranh chấp thì vợ

chồng ông Hư, bà Công và anh Ph không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng về việc đòi lại đất đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lo.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng bà Nguyễn Thị Li diện tích đất 115,8m^2 (loại đất ở) thuộc thửa đất số hiệu 293, tờ bản đồ số 11-1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; Giới cận: Bắc giáp Quốc lộ 19B, Nam giáp phần đất có diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất màu số hiệu 383B, tờ bản đồ số 11 – 1995 do ông Trần Minh Hư chuyển nhượng cho vợ chồng ông H, Tây giáp nhà vợ chồng bà Nguyễn Thị La, Lê Văn T, Đông giáp nhà và đất hộ gia đình ông Trần Minh Hư.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải giao phần nhà xây dựng cấp 4, diện tích xây dựng 115,8m^2 gắn liền với thửa đất số hiệu 293, tờ bản đồ 11-1994 (nay là thửa 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Ng, bà Li sở hữu sau khi vợ chồng ông Ng, bà Li trả lại cho vợ chồng ông H, bà L giá trị xây dựng nhà là 132.167.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị Li phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo 132.167.000 đồng để được trọn quyền sở hữu phần giá trị xây dựng nhà ở 115,8m^2 gắn liền với thửa đất số hiệu 293, tờ bản đồ số 11-1994 (nay là thửa 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (có bản đồ trích đo hiện trạng thửa đất và công trình xây dựng kèm theo)

Tách phần thửa đất có diện tích 59,2m^2 (thuộc thửa đất 383B, tờ bản đồ số 11, loại đất: màu) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định do vợ chồng ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Trần Minh Hư; trên đất vợ chồng ông H, bà Lođã xây dựng nhà ở có diện tích 36,5m^2 để giải quyết thành vụ án khác khi các bên có tranh chấp. (có bản đồ địa chính trích đo hiện trạng thửa đất và công trình xây dựng kèm theo)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự, chi phí tố tụng khác, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, ngày 21/02/2023, ông Nguyễn Văn Hưởng và ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q kháng cáo toàn bộ đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q: Luật sư Đặng Văn C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10/02/2023 của tòa án nhân dân huyện Phù Cát, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Ng. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11, diện tích 300m^2, bản đồ chỉnh lý 299 lập năm 1994 tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định được các bên đương sự thừa nhận. Trước năm 1992 thửa đất này là một phần của khu đất vườn dừa ba lợi ích do Nhà nước quản lý. Do năng suất vườn dừa không hiệu quả, năm 1992 Nhà nước quy hoạch khu đất này thành khu dân cư, phân lô giao đất cho đối tượng chính sách làm nhà ở. Bản thân ông Ng là bộ đội phục viên xuất ngũ về lại địa phương, có nhu cầu về nhà ở nên được UBND huyện P giao đất bằng Quyết định số 328/QĐ-UB ngày 09/7/1993, giao cho ông Ng 200m^2 đất ở thuộc lô số 14 tứ cận: Đông giáp nhà ông Trần Văn H, Tây giáp lô đất số 13 giao cho bà Hồ Thị H, Nam giáp vườn Dừa, Bắc giáp tỉnh lộ 635 đất được giao theo diện có thu tiền sử dụng đất. Trước khi được giao

đất ngày 11/5/1993 ông Nghị đã nộp vào Ngân sách Nhà nước 1.900.000 đồng. Sau khi được giao đất, ông Ng đã tiến hành đăng ký, kê khai và được UBND huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp GCNQSDĐ vào năm 1995, số vào sổ cấp GCN:01152.QSDĐ/E13. Bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lo (vợ ông H) cho rằng thửa đất này thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ông Hường (ông Hồng, bà Quý) đã cho vợ chồng ông bà xây dựng nhà ở từ năm 1992, nhưng ông H, bà Lo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Hơn nữa, trong lời khai của ông Hồg khai lô đất này ông mua của bà Ng Kỳ, có lúc lại khai vợ chồng ông thuê đất của bà Ng Kỳ để làm nhà máy xay xát gạo. Khi Nhà nước quy hoạch, phân lô để cấp cho các đối tượng chính sách làm nhà ở mà vợ chồng ông không phải đối tượng ưu tiên giao đất nên vợ chồng ông nhờ ông Ng đứng tên trong đơn xin giao đất xây dựng nhà ở, nhưng khi nộp 1.900.000 đồng tiền sử dụng đất thì vợ chồng ông đã bỏ ra 950.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lang (con gái của ông Hồ, bà Q) bỏ ra 950.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Sở dĩ ông Ng đứng tên trong phiếu thu tiền đất là do ông Ng đứng tên giúp. Lời khai của ông Hồ không được ông Ng thừa nhận và mâu thuẫn hoàn toàn với lời khai của bà Nguyễn Thị La. Vợ chồng ông Hồ, bà Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, căn cứ vào các tài liệu địa chính được lưu giữ tại UBND xã C, huyện P. Hơn nữa, trong quá trình thực hiện chính sách đất đai, hộ ông Hồ cũng không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 293. Vì vậy, lời khai của vợ chồng ông Hồ, bà Q không có căn cứ để tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H trình bày, khi quy hoạch khu đất vườn Dừa thành khu dân cư, vợ chồng ông H đã có nhà máy xay xát gạo trên thửa đất nên Nhà nước ưu tiên giao đất nên vợ chồng ông H nhờ ông Ng đi làm giấy tờ và nộp tiền sử dụng đất là 3.200.000 đồng, lợi dụng việc này ông Ng đã lén lút, giả mạo giấy tờ để đứng tên ông Ng và cất giấu các loại giấy tờ này nên vợ chồng ông Hồ, bà Q không biết cho đến khi xảy ra tranh chấp và vợ chồng ông Hồ phân chia đất để vợ chồng ông làm nhà ở bằng lời nói có sự đồng ý của anh chị em ruột trong gia đình, trong đó có ông Ng. Khi vợ chồng ông làm lễ tân gia, ông Ng còn tặng cho tấm tranh có ghi dòng chữ "Mừng tân gia" "Nguyễn Hữu Ng". Nhưng ông Ng không thừa nhận tấm tranh này là do ông trao tặng, đồ vật này cũng không phải là chứng cứ để chứng minh thửa đất số 293 trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Hồ, bà Q. Mặt khác, đối chiếu giữa lời khai của ông H tại phiên Tòa hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của ông H và lời khai của bà La (Bút lục 127-129) nên không có cơ sở để tòa án xem xét.

Theo quyết định giao đất số 328/QĐ-UB ngày 09/7/1993 của UBND huyện P thì lô đất số 14 cấp cho ông Nghị chỉ có 200m^2, nhưng năm 1994 ông Ng Tiến hành đăng ký, kê khai và được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ vào năm 1995 với diện tích là 300m^2 lý giải về sự nhầm lẫn tên người sử dụng đất "Nguyễn Hữu Ng" và sự chênh

lệch diện tích đất, tại biên bản xác minh ngày 28/6/2022, UBND xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát đã cung cấp thông tin: Người được giao đất là ông Nguyễn Hữu Ng, nhưng trong Quyết định giao đất ghi "Nguyễn Văn Ng" là có sự nhầm lẫn trong quá trình ban hành văn bản. Sở dĩ trong Quyết định giao đất số 328/QĐ-UB ghi diện tích được cấp là 200m^2, nhưng trong GCQSDĐ ghi nhận 300m^2 là vì tại thời điểm giao đất chưa có bản đồ 299 nên trong quyết định giao đất ghi rõ, khi xây nhà nền móng cách tim đường 635 là 15 mét. Khi bản đồ số 299 hình thành, ông Ng đăng ký kê khai quyền sử dụng đất 300 m^2 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và bản đồ chỉnh lý 299 nên UBND huyện Pt cấp GCNQSDĐ ghi nhận diện tích 300m^2 là phù hợp.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ trong năm 1995 vợ chồng ông Ng, bà Li cắt 150m^2 đất ở vị trí phía Tây thửa đất chuyển nhượng cho vợ chồng bà La, ông T bằng giấy viết tay với giá 10.000.000 đồng để vợ chồng bà Lacó đất làm nhà ở. Đến năm 2008 các bên mới hoàn tất thủ tục chuyển QSDĐ và được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà La, ông Túc vào ngày 04/4/2008 ghi nhận diện tích 150m^2. Như vậy, sau khi trừ diện tích đất chuyển nhượng cho vợ chồng bà La, ông T vào năm 1995, lẽ ra Tòa án buộc vợ chồng ông Hường, bà Loan phải trả lại cho vợ chồng ông Ng ½ diện tích đất còn lại ở vị trí phía Đông thửa đất là 150m^2. Tuy nhiên trong quá trình quản lý sử dụng đất, ngày 10/10/2000 ông Hường đã nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Trần Minh Hư 60m^2 đất thuộc thửa đất màu số hiệu 383B, tờ bản đồ số 11 đã được UBND huyện Phù Cát cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Hư với giá 1.500.000 đồng để vợ chồng ông H mở rộng diện tích phía Nam của thửa đất. Việc thỏa thuận chuyển nhượng này chỉ thể hiện bằng giấy viết tay do ông Hư viết và ký, các bên đã tiến hành giao đất, nhận tiền xong. Do vậy, Tòa án phải đưa tất cả các thành viên của hộ gia đình ông Hư vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vợ chồng ông Hư, bà C che dấu, không cung cấp thông tin về địa chỉ nơi cư trú của các thành viên trog hộ gia đình. Vì cho rằng gia đình ông Hư không tranh chấp đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông H. Vợ chồng ông Ng, bà Li đều thừa nhận có việc chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của vợ chồng ông H với hộ gia đình ông Trần Minh Hư, nhưng vợ chồng ông Ng, bà Li yêu cầu vợ chồng ông H, bà Lo trả lại diện tích đất thực tế đang chiếm hữu, sử dụng. Không tranh chấp phần diện tích đất sản xuất mà vợ chồng ông H nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Hư vào năm 2000. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tách phần diện tích đất chuyển nhượng giữa vợ chồng ông H với hộ gia đình ông Hư59,2m^2 để giải quyết thành vụ án khác khi các bên có tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập và bản đồ địa chính (trích đo hiện trạng thửa đất và công trình xây dựng) do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện P thực hiện đo vẽ ngày 15/9/2022 thì tổng diện tích hiện nay vợ chồng ông H, bà Lo đang sử dụng là

175,1m^2, trong đó phần diện tích đất thuộc thửa đất 293, tờ bản đồ số 11 năm 1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) là 115,8m^2 (chênh lệch giảm 34,2m^2 diện tích đất nhận chuyển nhượng hộ gia đình ông Hư thuộc một phần thửa đất số 383B là 59,2m^2 chênh lệch giảm 0,8m^2). Vợ chồng ông Ng yêu cầu vợ chồng ông H phải tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất 115,8m^2 thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11 năm 1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap). Yêu cầu tháo dỡ nhà của vợ chồng ông Ng, bà Li không được Tòa án chấp nhận. Bởi lẽ, mặc dù vợ chồng ông H, bà Lochiếm, quản lý, sử dụng đất nêu trên là không có căn cứ pháp luật, nhưng ông Ng, bà Li đều thừa nhận rằng việc vợ chồng ông H xây dựng nhà trên thửa đất đã xảy ra nhiều lần trong khoảng thời gian dài, Vợ chồng ông Ng biết rõ nhưng vì cả nể anh em ruột thịt với nhau nên vợ chồng ông Ng không kiên quyết ngăn chặn mà nghĩ rằng anh em sẽ tự thương lượng giải quyết với nhau trong nội bộ gia đình. Mặt khác, hiện nay vợ chồng ông Ng, bà Li có nhu cầu về nhà ở, toàn bộ diện tích xây dựng nhà 115,8m^2 của vợ chồng ông Hư, bà Lo vẫn còn có giá trị sử dụng tốt. Vì vậy để tránh lãng phí và gây thiệt hại cho vợ chồng ông Hường, bà Loan. Tòa án xét buộc vợ chồng ông H, bà Lo phải trả lại 115,8m^2 đất cho vợ chồng ông Ng, bà Li đồng thời buộc vợ chồng ông Hư, bà Lo giao ngôi nhà có diện tích xây dựng 115,8m^2 gắn liền với diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông Ng, bà Li được trọn quyền sở hữu. Sau khi vợ chồng vợ chồng ông Ng, bà Li hoàn trả giá trị xây dựng nhà theo biên bản định giá ngày 15/9/2022 là 132.167.000 đồng (trong đó nhà chính 115,8m^2 có giá trị 129.317.000 đồng, điện trong nhà 2.306.000 đồng và mái hiên, nền xi măng 814.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Hvà vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hg, vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng phúc thẩm:

[2.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011838 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát,

tỉnh Bình Định, còn vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[2.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) (ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong)

[3] Ý kiến của luật sư Đặng Văn C: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q và sửa Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH**:**

Căn cứ các Điều 147, 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 3, Điều 95, Điều 100, Điều 166 Luật đất đai năm 2013, điểm đ khoản 1, Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, vợ chồng ông Nguyễn Văn Hồ, bà Hồ Thị Q

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ng về việc đòi lại đất đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lo

1.1 Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị Li diện tích đất 115,8m^2 (loại đất ở) thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11 năm 1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, giới cân: Bắc giáp Quốc lộ 19B, Nam giáp phần đất có diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất màu số hiệu 383B, tờ bản đồ số 11 năm 1994 do ông Trần Minh Hư chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Hư

bà Huỳnh Thị Lo, Tây giáp nhà vợ chồng bà Nguyễn Thị La, ông Lê Văn T, Đông giáp nhà và đất hộ gia đình ông Trần Minh Hư.

1.2 Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải giao lại phần nhà xây dựng cấp 4, diện tích xây dựng 115,8m^2 gắn liền với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11 năm 1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị Li sở hữu sau khi vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị Li trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Hường, bà Huỳnh Thị Lo giá trị xây dựng nhà là 132.167.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

1.3 Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng, bà Nguyễn Thị Li trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo 132.167.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) để được trọn quyền sở hữu phần giá trị xây dựng nhà ở diện tích 115,8m^2 gắn liền với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11 năm 1994 (nay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36-Vlap) tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (có bản đồ địa chính trích đo hiện trạng thửa đất và công trình xây dựng kèm theo)

2. Tách phần đất có diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất số 383B, tờ bản đồ số 11 loại đất màu tại thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định do vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo nhận chuyển nhượng của hộ gia đình ông Trần Minh Hư, trên đất vợ chòng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo đã xây dựng nhà ở có diện tích 36,5m^2 để giải quyết thành vụ án khác khi các bên có tranh chấp. (có bản đồ địa chính trích đo hiện trạng thửa đất và công trình xây dựng kèm theo)

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Ng 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006604 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0011838 ngày 20/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Còn vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Hồ Thị Q là người cao tuổi nên được miễn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sơ thẩm.

- Chi phí đo đạc, lập bản đồ và định giá tài sản: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải chịu 11.050.000 đồng chi phí đo đạc, lập bản đồ địa chính và định giá tài sản ngày 10/11/2017 và ngày 15/9/2022, số tiền này ông Nguyễn Hữu Ng đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Lo phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu Ng 11.050.000 đồng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Hữu Ng tự nguyện chịu 2.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ theo Biên lai thu tạm ứng ngày 18/6/2018 (ông Nguyễn Hữu Ng đã nộp tạm ứng và Tòa án đã chi phí xong)

3.4 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Hường phải chịu 4.000.000 đồng (Ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng và tòa án đã chi phí xong)

Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357,khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS huyện Phù Cát;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

Nguyễn Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình Nguyễn Thị Hoài Xuân Nguyễn Thanh Tuấn